

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2025/HS-ST

Ngày: 14-02-2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Thanh Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Phước Tâm

2. Ông Nguyễn Đức Điền

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trọng Nhân - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Cẩm Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2025/TLST-HS ngày 16 tháng 01 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 01 năm 2025 đối với bị cáo:

Bùi Văn T, sinh năm 1993 tại tỉnh Đồng Tháp; giới tính: Nam; Nơi cư trú: Ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Bùi Văn T1 (chết) và con bà Nguyễn Thị H; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không; Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Bị hại: Anh Huỳnh Văn H1, sinh năm 1981 (Có mặt);

Nơi cư trú: Ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Lê Vũ Trường G, sinh năm 1991 (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

Nơi cư trú: Khóm T, phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

2/ Nguyễn Hải T2, sinh năm 1985 (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

Nơi cư trú: Khóm P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 05/7/2024, Bùi Văn T đi bộ từ thành phố C để về nhà ở xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, khi T đi đến ruộng lúa của ông Trần Quốc T3 thuộc ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp thì thấy xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu Honda, loại Wave S, màu đen xám, biển kiểm soát 66C1-270.21 của ông Huỳnh Văn H1, sinh năm: 1981, nơi thường trú: ấp B, xã P, huyện C tỉnh Đồng Tháp đang đậu cặp ruộng lúa, không người trông coi, chìa khóa cắm sẵn trên ổ khóa xe nên T lấy trộm xe mô tô trên điều khiển xe về thành phố S. Đến sáng ngày 06/7/2024, T mang xe trộm được bán cho chủ Cửa hàng xe 66 là ông Lê Vũ Trường G, sinh năm 1991, nơi thường trú khóm T, phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. Ông G khai không biết đây là xe do T lấy trộm nên đồng ý mua xe với giá 2.000.000 đồng, số tiền này T khai đã tiêu xài cá nhân hết.

Đối với bị hại H1, sau khi bị mất trộm xe, đến trưa ngày 07/7/2024, ông H1 thấy xe mình bị mất trộm được chủ Cửa hàng xe 66 đăng bán trên mạng xã hội Facebook nên tìm đến thì được ông G cho biết đã bán cho ông Nguyễn Hải T2, sinh năm 1985, nơi thường trú khóm P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Ông H1 liên hệ với ông T2 kể cho ông T2 nghe sự việc bị mất trộm xe. Sau khi nói chuyện xong, ông T2 gọi điện cho ông G, cả ba tự thỏa thuận với nhau, ông T2 trả xe cho ông H1. Đến khoảng 10 giờ ngày 11/7/2024, khi thấy T đến Cửa hàng xe 66 thì ông G trình báo với Công an phường A, thành phố S đến mời T về làm việc. Qua làm việc Bùi Văn T đã thừa nhận thực hiện hành vi trộm cắp xe của ông H1.

Về vật chứng, quá trình điều tra đã thu giữ:

01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave S, số máy HC09E6618983, số khung 09037Y803068, màu đen - xám, biển số 66C1-270.21, đã qua sử dụng (do ông H1 giao nộp).

Biên bản và kết luận định giá số 40/BB-HĐĐGTTTHS ngày 09/9/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave S, số máy HC09E6618983, số khung 09037Y803068, màu đen - xám, biển số 66C1-270.21, đã qua sử dụng trị giá: 2.700.000 đồng.

Quá trình điều tra, xác minh xác định xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave S, số máy HC09E6618983, số khung 09037Y803068, màu đen - xám,

biển số 66C1-270.21 là của ông H1 mua lại của ông Lê Hoàng Đ, sinh năm 1995, nơi thường trú ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, nhưng chưa làm thủ tục sang tên, xét thấy ông H1 là chủ sở hữu hợp pháp, việc xử lý trao trả cho ông H1 không ảnh hưởng đến quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án, nên Cơ quan điều tra đã xử lý trao trả cho bị hại Huỳnh Văn H1 theo luật định.

Về bồi thường dân sự:

Ông Huỳnh Văn H1 đã nhận lại xe mô tô không có yêu cầu gì thêm nên không đặt ra xem xét.

Đối với số tiền 2.000.000 đồng của ông Lê Vũ Trường G mua xe thì ông G không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Ông Nguyễn Hải T2 đã nhận lại tiền từ ông G, không yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét.

Quá trình điều tra Bùi Văn T thừa nhận hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Đối với anh Lê Vũ Trường G khi mua xe của bị cáo T không biết là tài sản do trộm cắp mà có nên không xem xét xử lý.

Tại Cáo trạng số 04/CT-VKSHCL ngày 14/01/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp đã truy tố bị cáo Bùi Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Văn T thừa nhận thực hiện hành vi lén lút lấy tài sản của bị hại Huỳnh Văn H1 như nội dung bản Cáo trạng miêu tả. Tài sản mà bị cáo chiếm đoạt là 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave S, số máy HC09E6618983, số khung 09037Y803068, màu đen - xám, biển số 66C1-270.21. Bị cáo đồng ý với lời khai của bị hại, kết quả điều tra và đồng ý với kết luận định giá của Hội đồng định giá, đồng ý giá trị tài sản mà bị cáo lén lút chiếm đoạt của bị hại là 2.700.000 đồng. Bị cáo khai mục đích lén lút lấy trộm xe mô tô của bị hại là để tiêu xài cá nhân.

Tại phiên tòa, bị hại Huỳnh Văn H1 xác định nội dung Cáo trạng là đúng. Bị hại đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu gì thêm. Tại phiên tòa, bị hại xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp phát biểu luận tội có nội dung chính như sau:

Kiểm sát viên nhận định, bị cáo T lợi dụng lúc bị hại không quản lý tài sản đã lén lút thực hiện hành vi lấy trộm 01 xe mô tô trị giá là 2.700.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp

của người khác, gây mất trật tự trị an ở địa phương. Hành vi của bị cáo đủ cơ sở cấu thành tội phạm “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận nội dung truy tố của Cáo trạng. Từ lời nhận tội của bị cáo, đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ thu thập được, đủ cơ sở khẳng định việc truy tố tại Cáo trạng là đúng pháp luật. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội và cần xử lý. Tuy nhiên, Kiểm sát viên nhận thấy, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; nhân thân chưa có tiền án, tiền sự; hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Từ những phân tích trên, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm tuyên bố bị cáo Bùi Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo T từ 04 đến 06 tháng tù.

Các phần khác đề nghị Hội đồng xét xử xem xét như nội dung đề nghị của Cáo trạng.

Tại phần tranh luận, bị cáo, bị hại không phát biểu tranh luận.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, tỉnh Đồng Tháp, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Từ khi khởi tố vụ án cho đến tại phiên tòa sơ thẩm, những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Xét thấy, các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét thấy, bị cáo T là người đã thành niên, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, vào tối ngày 05/7/2024 đã lợi dụng lúc bị hại không trực tiếp quản lý tài sản, lén lút lấy trộm 01 xe mô tô đã qua sử dụng, tài sản trên theo định giá là 2.700.000 đồng.

Bị cáo lấy tài sản trên với mục đích là để tiêu xài cá nhân của bị cáo. Do đó, bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý. Hành vi của bị cáo đã xâm hại đến

quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại một cách trái pháp luật. Kết quả điều tra xác định được bị cáo thực hiện hành vi riêng biệt, không có đồng phạm khác.

Từ những phân tích trên, có căn cứ khẳng định hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị cáo đủ cơ sở cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như sau:

“Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

[3] Xét thấy hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ra ảnh hưởng xấu cho xã hội, do đó hành vi của bị cáo cần phải được xử lý.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Nhận thấy, bị cáo “phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”, sau khi phạm tội bị cáo “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, nên được giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú; tại phiên toà bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên Hội đồng xét xử ghi nhận để giảm nhẹ cho bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Hơn nữa, Hội đồng xét xử xét thấy trong vụ án này bị hại cũng có một phần lỗi trong việc quản lý tài sản tạo điều kiện để tội phạm xảy ra.

Từ những phân tích trên đối chiếu quy định pháp luật xét thấy không cần thiết áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo mà chỉ cần giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục cũng đủ sức răn đe, giáo dục đối với bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo làm thuê thu nhập không ổn định, hoàn cảnh gia đình khó khăn, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về tài liệu tạm giữ: Đã xử lý xong nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[8] Xét thấy phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có một phần cơ sở nên chấp nhận.

Đối với anh Lê Vũ Trường G khi mua xe của bị cáo T không biết là tài sản do trộm cắp mà có nên không có căn cứ xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với anh G là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Bùi Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn T 09 (Chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo Thời hạn thử thách 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án (Ngày 14/02/2025).

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp đang trong thời gian thử thách mà bị cáo phạm tội mới, thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định của Điều 56 Bộ luật Hình sự.

2. Về án phí:

Căn cứ Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo T chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Bị cáo, bị hại mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời

hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết đúng quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cao Lãnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Tháp;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Cao Lãnh, tỉnh ĐT;
- Phòng GDKT tỉnh ĐT;
- CQ CS ĐT CA HCL, tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng nghiệp vụ hồ sơ CA tỉnh ĐT;
- Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Thanh Trúc